TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 24-8-2023.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Sâm Châu.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1978.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đặng T, sinh năm 1977.
Cùng địa chỉ: Tổ 16, Ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
(Chị T, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đặng T tự tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai ngày 20/3/2006. Trong quá trình chung sống, anh T đã nhiều lần có quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác bên ngoài, anh T hầu như không quan tâm gia đình, vợ con. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn khi gần đây anh T tiếp tục có quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài và vượt quá giới hạn chịu đựng của chị. Nay chị yêu cầu ly hôn anh T

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thủy T1, sinh ngày 05/02/2007 và Nguyễn Tú N, sinh ngày 25/3/2010 hiện đang do chị nuôi dưỡng.

Ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Trước đây, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng (mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng) nhưng nay chị để anh T tự nguyện cấp dưỡng theo khả năng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Bị đơn anh Nguyễn Đặng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có ý kiến trình bày.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo về quyền, lợi ích hợp pháp. Nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy T đối với bị đơn anh Nguyễn Đặng T, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T; Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thủy T1, sinh ngày 05/02/2007 và Nguyễn Tú N, sinh ngày 25/3/2010 hiện đang do chị T nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét con chung đang do chị T nuôi dưỡng, anh T đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của chị T nên đề nghị xử giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét; Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy T vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Nguyễn Đặng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thủy T và anh Nguyễn Đặng T tự tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01, ngày 20/3/2006 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T và cho rằng trong thời gian chung sống, anh T có quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài, không quan tâm gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn khi gần đây anh T tiếp tục có quan hệ tình cảm với người khác. Đối với bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không cung cấp ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị T và anh T đến Tòa án để hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng anh T không có mặt nên không tiến hành hòa giải được. Qua đó, cho thấy anh T đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng và không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T đối với anh T, xử cho chị T ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thủy T1, sinh ngày 05/02/2007 và Nguyễn Tú N, sinh ngày 25/3/2010.

Xét thấy, cháu T1 và cháu N đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tòa án đã triệu tập anh T để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu nuôi con nhưng anh T không có mặt, không cung cấp ý kiến cho thấy anh T không có trách nhiệm, không mong muốn nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, cần xử giao cháu T1 và cháu N cho chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện, chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng (mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng) nhưng nay chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, anh T không có ý kiến trình bày nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thủy T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Đặng T, do đó chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy T đối với bị đơn anh Nguyễn Đặng T về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị Thủy T ly hôn anh Nguyễn Đặng T.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thủy T1, sinh ngày 05/02/2007 và Nguyễn Tú N, sinh ngày 25/3/2010.

Xử giao Nguyễn Thủy T1, sinh ngày 05/02/2007 và Nguyễn Tú N, sinh ngày 25/3/2010 cho chị Nguyễn Thị Thủy T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị T, anh T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thủy T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009348 ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Chị T đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thủy T và anh Nguyễn Đặng T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- CCTHADS huyện Long Thành;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Minh Hoàng